

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/02/2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Diễm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Phạm Minh Đức

2. Đặng Bình Thủy

Thư ký phiên tòa: Phạm Thị Mỹ Ngọc – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Trần Thị Ngọc Tuyền, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 294/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Hà Mỹ L, sinh năm xxxx. (Có mặt)

Địa chỉ: Số H, khóm F, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tạm trú: Số C đường L, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn: Võ Văn Tuấn L1, sinh năm xxxx. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị L1 là nguyên đơn trình bày:

Chị L1 và anh L1 do quen biết, có tổ chức đám cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh chị thuê nhà trọ và làm việc ở Bình Dương sống chung vài năm thì anh chị về sống chung cha mẹ chồng một thời gian lại phát sinh mâu thuẫn nên chị L1 về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 sau khi chị sinh con thì anh L1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị L1 phát hiện và anh L1 hứa là bỏ không qua lại với người phụ nữ đó nữa, chị L1 thống nhất bỏ qua và tiếp tục chung sống nhưng anh L1 vẫn chứng nào tật nấy, sau khi chị L1 sinh đứa con thứ 2 thì anh L1 lại tiếp tục có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị L1 và gia đình 02 bên đã khuyên nhủ anh

L1 nhiều lần nhưng anh L1 vẫn không thay đổi, hiện anh L1 đã có con với người phụ nữ đó, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L1 yêu cầu được ly hôn với anh L1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị Mỹ Q, sinh ngày 18/05/2011 và Võ Hà Mỹ P, sinh ngày 17/10/2020. Chị L1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/ 02 con (tương đương 1.500.000 đồng/tháng/01con), thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có

* Bị đơn anh Võ Văn Tuấn L1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và anh L1 cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh L1 đối với yêu cầu ly hôn của chị L1.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến: - Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Mỹ L, cho chị Hà Mỹ L được ly hôn với anh Võ Văn Tuấn L1. Về con chung: Giao 02 con chung tên Võ Thị Mỹ Q, sinh ngày 18/05/2011 và Võ Hà Mỹ P, sinh ngày 17/10/2020 cho chị Hà Mỹ L được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Võ Văn Tuấn L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Tương đương 1.500.000 đồng/01con/tháng), thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Hà Mỹ L yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Võ Văn Tuấn L1, sinh năm 1992, ngụ tại khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Văn Tuấn L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh L1 vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến của anh L1 đối với yêu cầu khởi kiện của chị L1 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Văn Tuấn L1.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L1 và anh L1 tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011 và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy

định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị L1, căn cứ vào lời khai của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do sau khi chị sinh con thì anh L1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị phát hiện và anh L1 hứa là bỏ không qua lại với người phụ nữ đó nữa, chị L1 thống nhất bỏ qua và tiếp tục chung sống nhưng anh L1 vẫn chứng nào tật nấy, sau khi chị L1 sinh đứa con thứ 2 thì anh L1 lại tiếp tục có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị và gia đình 02 bên đã khuyên nhủ anh L1 nhiều lần nhưng anh L1 vẫn không thay đổi, hiện anh L1 đã có con với người phụ nữ đó, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L1 yêu cầu được ly hôn với anh L1. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho anh L1 biết yêu cầu ly hôn của chị L1 nhưng anh L1 vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không quan tâm đến kết quả giải quyết vụ án ly hôn của anh với chị L1 như thế nào. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L1 với anh L1 là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung tên Võ Thị Mỹ Q, sinh ngày 18/05/2011 và Võ Hà Mỹ P, sinh ngày 17/10/2020. Ly hôn, chị L1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/ 02 con (tương đương 1.500.000 đồng/tháng/01con), thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 con đủ 18 tuổi, anh L1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu về con chung. Theo nguyện vọng của cháu Q mong muốn được sống chung với mẹ. Nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của con chung, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên cần giao 02 con chung cho chị L1 được trực tiếp nuôi dưỡng, anh L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Tương đương 1.500.000 đồng/01con/tháng), thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2024.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí: Chị Hà Mỹ L có yêu cầu ly hôn, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên chị L và anh L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Mỹ L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Mỹ L và anh Võ Văn Tuấn L1 được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên Võ Thị Mỹ Q, sinh ngày 18/05/2011 và Võ Hà Mỹ P, sinh ngày 17/10/2020 cho chị Hà Mỹ L được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Võ Văn Tuấn L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Tương đương 1.500.000 đồng/01con/tháng), thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Võ Văn Tuấn L1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Hà Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013796 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Như vậy, chị Hà Mỹ L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Anh Võ Văn Tuấn L1 phải nộp 300.000 đồng án phí DSST

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND H.GCD;
- CC.THADS H.GCD;
- UBND thị trấn Vàm Láng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Thị Diễm Trinh